

Thứ hai, ngày 17 tháng 5 năm 2021

Vietnam Daily Review

Gặp khó tại vùng kháng cự

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 18/5/2021		•	
Tuần 17/5-21/5/2021		•	
Tháng 5/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex đã có những phút đầu bật tăng nhưng sau đó áp lực chốt lời tại vùng kháng cự trên 1270 đã khiến chỉ số giảm trở lại về dưới ngưỡng 1260. Dòng tiền đầu tư suy giảm và chỉ còn 6/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường duy trì trạng thái tiêu cực với thanh khoản gia tăng so với phiên cuối tuần trước. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể sẽ giằng co tại khu vực 1250-1280 trong những phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 17/5/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng nhẹ.

Phân tích kỹ thuật: VSC_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index -7.66 điểm, đóng cửa 1258.7. HNX-Index +2.07 điểm, đóng cửa 296.79.
- Kéo chỉ số tăng: VHM (+3.28); NVL (+1.04); HPG (+0.44); SSB (+0.4); OCB (+0.2).
- Kéo chỉ số giảm: VNM (-1.25); MSN (-1.18); VIC (-1.17); GVR (-0.98); VCB (-0.88).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 20,779 tỷ đồng, +2.42% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 22,824 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 19.33 điểm. Thị trường có 141 mã tăng, 41 mã tham chiếu và 278 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -1037.54 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VPB (-242.6 tỷ), VIC (-147.7 tỷ) và VNM (-145.9 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -39.37 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX 1258.70
Giá trị: 20779.37 tỷ -7.66 (-0.6%)
Khối ngoại (ròng): -1037.54 tỷ

HNX-INDEX 296.79
Giá trị: 2917.46 tỷ 2.07 (0.7%)
Khối ngoại (ròng): -39.37 tỷ

UPCOM-INDEX 80.42
Giá trị: 865.83 tỷ -0.58 (-0.72%)
Khối ngoại(ròng): 6.27 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	65.6	0.31%
Giá vàng	1,853	0.52%
Tỷ giá USD/VND	23,045	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	27,978	-0.04%
Tỷ giá JPY/VND	21,086	0.08%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	15.86%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.92%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	218.6	VPB	242.6
VHM	34.8	VIC	147.7
GMD	19.5	VNM	145.9
DHC	19.2	HPG	125.5
DGC	11.4	CTG	81.8
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 17/5

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	65.24	-0.20%	0.49%	2.72%	81.58%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	68.49	-0.32%	0.25%	3.07%	68.86%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	212.32	-0.16%	-0.48%	3.44%	86.12%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1854.57	0.60%	1.01%	5.14%	8.49%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.70	1.00%	1.43%	7.15%	60.48%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1586.75	0.03%	-0.05%	12.46%	86.18%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	695.50	-1.66%	-4.79%	6.10%	33.69%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.05	-1.60%	1.22%	2.53%	16.80%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	225.49	1.94%	-4.53%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	16.96	-0.88%	-3.03%	6.80%	53.48%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	145.00	-0.96%	-5.17%	8.17%	27.53%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	10240.50	-0.98%	-1.69%	15.07%	97.64%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	857.62	-4.17%	-5.43%	12.36%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	911.52	-6.39%	-4.41%	12.88%			
Nhôm	USD/ton	2463.00	0.47%	-3.03%	7.41%	68.47%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	185.63	0.71%	-7.31%	22.78%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	99.40	-3.07%	5.86%	14.38%	58.28%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent giảm 2.27 USD tương đương 3.3% xuống 67.05 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI giảm 2.26 USD tương đương 3.4% xuống 63.82 USD/thùng.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.5% lên 1,824.89 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn New York tăng 0.1% lên 1,824 USD/ounce.
- Giá vàng tăng sau số liệu cho thấy rằng, giá tiêu dùng của Mỹ trong tháng 4/2021 tăng mạnh nhất trong gần 12 năm, điều này làm gia tăng lo ngại về lạm phát và lãi suất có thể tăng. Tuy nhiên, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ cam kết sẽ giữ lãi suất ở mức thấp đến khi nền kinh tế đạt mức toàn dụng lao động, lạm phát chạm mức 2% và duy trì đà vượt quá mức đó trong một thời gian.

	17/5	% 17/5	14/5	% 14/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1258.70	-0.60%	1266.36	0.35%	-0.07%	0.50%
S&P 500			4173.85	1.49%	-1.39%	1.19%
HĐTL S&P500	4161.00	-0.19%	4168.90	1.50%	-0.54%	-0.03%
Shang- hai	3517.62	0.78%	3490.38	1.77%	2.61%	3.07%
Euro Stoxx	4008.22	-0.23%	4017.44	1.64%	-0.38%	0.37%

Phân tích kỹ thuật

VSC_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng

Nhận định: VSC có đang hình thành xu hướng tăng giá sau khi tích lũy ngắn hạn quanh ngưỡng giá 48.0. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên, đồng thuận với nhịp tăng giá cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng tăng giá cổ phiếu. Đường giá cổ phiếu vượt lên dài mây Ichimoku báo hiệu nhịp tăng giá trung hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc mở vị thế quanh ngưỡng giá 51.0 và chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng 57.0. Cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ 48.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

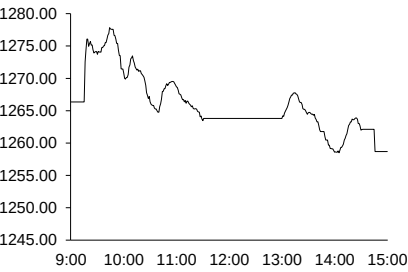
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	1.11%
Công nghệ Thông tin	0.87%
Ô tô và phụ tùng	0.86%
Tài nguyên Cơ bản	0.65%
Bất động sản	0.61%
Y tế	0.43%
Dịch vụ tài chính	-0.09%
Truyền thông	-0.27%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.30%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.52%
Ngân hàng	-0.60%
Xây dựng và Vật liệu	-1.02%
Bán lẻ	-1.04%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.43%
Bảo hiểm	-1.51%
Dầu khí	-1.55%
Du lịch và Giải trí	-1.86%
Thực phẩm và đồ uống	-2.17%
Hóa chất	-2.71%

Hình 1

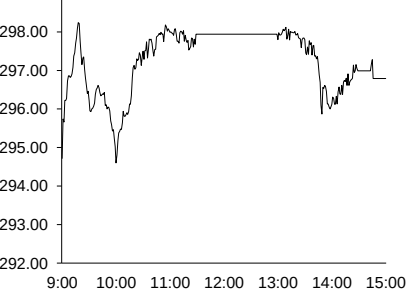
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/14/2021	SHS	30.1	33.5	26.8	30.2	3	0.33%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/13/2021	ANV	23.05	28.5	21.8	23.85	4	3.47%	Có thể tiếp tục mua
5/12/2021	SSI	34.8	43.5	32.7	35.45	5	1.87%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/10/2021	HCM	33.2	40.64	30.27	34.6	7	4.22%	Có thể tiếp tục mua
5/7/2021	TPB	29.1	36.5	27.5	32.6	10	12.03%	Có thể tiếp tục mua
5/6/2021	MBB	31.6	39	28.2	32.9	11	4.11%	Có thể tiếp tục mua
5/5/2021	HDB	29.05	33.3	25.3	31.15	12	7.23%	Có thể tiếp tục mua
5/4/2021	HLD	32	35.5	28.2	32.2	13	0.63%	Có thể tiếp tục mua
4/29/2021	NLG	36.3	41.5	34	36.75	18	1.24%	Có thể tiếp tục mua
4/28/2021	PAC	35.5	39.5	30.5	34.5	19	-2.82%	Có thể tiếp tục mua
4/9/2021	FPT	82.1	96	72.5	85.7	38	4.38%	Có thể tiếp tục mua
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	12.6	84	-11.27%	Cần nhắc cắt lỗ sớm

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

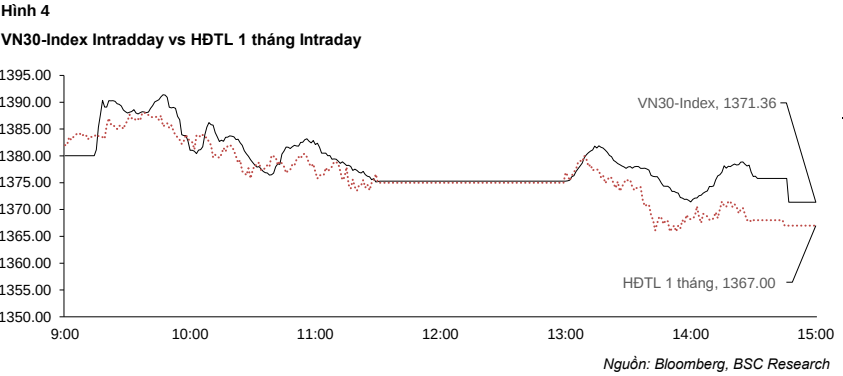
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
5/11/2021	MBS	25.7	35	22.5	SL	6	-12.45%
4/27/2021	VIX	35.05	41.5	30	SL	8	-14.41%
4/26/2021	DRI	10	12	9.5	SL	3	-5.00%
4/23/2021	LHG	36	39.8	34.2	SL	6	-5.00%
4/22/2021	HII	22	24.2	21.4	TP	6	10.00%
4/20/2021	HAX	24.15	28	21	TP	20	15.94%
4/19/2021	BMI	29.15	32.5	27	SL	7	-7.38%
4/16/2021	HPG	54.6	61	52	TP	21	11.72%
4/15/2021	NKG	25.35	30.5	22	TP	25	20.32%
4/14/2021	MSR	22.6	23.9	21	SL	8	-7.08%
4/13/2021	MSN	94.2	98.2	89.1	TP	3	4.25%
4/12/2021	TCB	42.15	46.5	38	TP	24	10.32%
4/8/2021	TNG	24.9	27.8	21.3	SL	14	-14.46%
4/7/2021	VRE	35.4	39	33.5	SL	9	-5.37%
4/6/2021	ANV	23.8	26.5	21.7	SL	14	-8.82%

Chú thích:
 Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ
 FS - Đóng vị thế sớm

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	10	2	3.95%	-7.04%	2.12%	19
Cổ phiếu đã chốt	138	83	13.34%	-8.11%	5.28%	28

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2105	1367.00	-0.51%	-4.36	-23.9%	189,026	5/20/2021	5
VN30F2106	1360.40	-0.64%	-10.96	117.1%	1,893	6/17/2021	33
VN30F2109	1356.00	-0.52%	-15.36	1582.9%	589	9/16/2021	124
VN30F2112	1356.00	-0.86%	-15.36	1.9%	160	12/16/2021	215

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm –8.66 điểm, xuống 1371.36 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, TCB, MSN, VPB, VJC tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 tăng đầu phiên sáng lên quanh 1390 điểm, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch giảm mạnh xuống quanh 1370 điểm. VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVHM2102	7/6/2021	50	10:1	834,000	30.58%	1,900	4,820	16.43%	1,479	3.26	106,000	87,000	100,800
CVHM2104	8/9/2021	84	10:1	1,088,100	30.58%	1,600	5,200	15.04%	792	6.57	114,000	98,000	100,800
CVHM2106	8/12/2021	87	10:1	750,400	30.58%	1,300	5,830	13.20%	131	44.62	131,668	118,668	100,800
CNVL2003	6/11/2021	25	10:1	898,900	29.80%	1,000	7,500	3.31%	7,383	1.02	73,979	63,979	137,600
CHPG2105	8/9/2021	84	2:1	463,500	33.25%	3,000	15,700	3.29%	10,186	1.54	48,000	42,000	61,900
CVPB2015	7/30/2021	74	1:1	179,600	36.94%	5,600	40,820	2.05%	40,049	1.02	31,600	26,000	65,800
CHPG2106	8/27/2021	102	2:1	234,300	33.25%	4,100	13,900	0.00%	6,418	2.17	58,400	50,200	61,900
CVPB2103	8/9/2021	84	2:1	291,000	36.94%	2,700	16,840	-0.06%	14,849	1.13	41,900	36,500	65,800
CHPG2103	7/6/2021	50	2:1	285,400	33.25%	3,900	13,900	-0.64%	10,087	1.38	49,800	42,000	61,900
CSTB2010	6/11/2021	25	2:1	542,100	42.40%	1,100	7,130	-1.79%	6,995	1.02	14,199	11,999	25,950
CSTB2014	6/14/2021	28	1:1	389,400	42.40%	3,800	14,100	-2.76%	13,994	1.01	15,800	12,000	25,950
CTCB2012	7/30/2021	74	1:1	202,200	35.55%	5,400	26,200	-2.96%	26,061	1.01	27,400	22,000	47,850
CHPG2107	8/12/2021	87	5:1	1,951,900	33.25%	1,300	6,470	-3.00%	1,141	5.67	65,868	59,368	61,900
CSTB2103	8/9/2021	84	2:1	690,800	42.40%	1,400	8,400	-6.56%	4,100	2.05	20,800	18,000	25,950
CTCB2103	8/9/2021	84	2:1	546,300	35.55%	2,900	10,700	-8.55%	6,416	1.67	41,300	35,500	47,850
CTCB2102	7/6/2021	50	2:1	455,000	35.55%	2,300	9,300	-8.82%	6,055	1.54	57,200	48,000	47,850
CMBB2101	7/6/2021	50	2:1	544,700	33.07%	1,600	8,380	-9.89%	3,550	2.36	29,200	26,000	32,900
CSTB2104	8/27/2021	102	1:1	344,500	42.40%	4,000	11,400	-10.31%	4,239	2.69	26,900	22,900	25,950
CMSN2103	8/13/2021	88	6:1	690,700	39.11%	3,000	9,950	-11.16%	3,151	3.16	106,000	88,000	104,200
Tổng				11,382,800	35.62%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 17/5/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng nhẹ.
- CHPG2108 và CVHM2102 tăng mạnh lần lượt là 16.87% và 16.43%. Trái lại, CVNM2011 và CVJC2006 giảm mạnh lần lượt là -30.56% và -15.45%. Giá trị giao dịch tăng 3.24%. CHPG2107 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.13% thị trường.
- CSTB2007, CVPB2102, CSTB2014, CTCB2012, và CMBB2010 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CSTB2101, và CNVL2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CHPG2020, và CTCB2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VHM	100.80	3.70	2.19
NVL	137.60	2.61	1.61
HPG	61.90	0.81	1.12
FPT	85.70	1.06	0.69
TPB	32.60	2.03	0.49

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VNM	87.2	-2.57	-2.95
TCB	47.9	-1.64	-2.24
MSN	104.2	-3.61	-1.97
VPB	65.8	-1.20	-1.57
VJC	114.0	-3.31	-1.30

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	141.5	-0.7%	1.0	2,925	3.3	9,051	15.6	3.9	49.0%	27.2%	
PNJ	Bán lẻ	94.0	-0.2%	1.0	929	0.8	4,974	18.9	3.7	49.0%	21.0%	
BVH	Bảo hiểm	54.6	-2.2%	1.5	1,762	1.6	2,548	21.4	2.0	27.4%	9.5%	
PVI	Bảo hiểm	33.2	0.0%	0.5	323	0.0	3,809	8.7	1.0	54.3%	12.2%	
VIC	Bất động sản	124.0	-1.0%	0.7	18,236	13.3	2,174	57.0	5.2	14.6%	9.0%	
VRE	Bất động sản	30.7	0.2%	1.1	3,033	7.6	1,175	26.1	2.3	29.8%	9.3%	
VHM	Bất động sản	100.8	3.7%	1.1	14,417	26.1	7,874	12.8	3.6	22.5%	33.6%	
DXG	Bất động sản	24.0	-1.6%	1.3	540	5.4	(61)		1.9	33.7%	-0.5%	
SSI	Chứng khoán	35.5	0.4%	1.5	995	26.4	2,776	12.8	2.0	45.9%	16.2%	
VCI	Chứng khoán	73.0	-0.4%	1.0	528	6.5	5,703	12.8	2.5	21.9%	22.1%	
HCM	Chứng khoán	34.6	-2.3%	1.5	459	8.8	2,462	14.1	2.2	47.9%	16.4%	
FPT	Công nghệ	85.7	1.1%	0.9	2,940	6.5	4,718	18.2	4.0	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	76.0	-0.9%	0.4	904	0.0	5,165	14.7	4.4	#####	30.0%	
GAS	Dầu khí	82.5	-1.9%	1.3	6,865	3.7	3,946	20.9	3.1	2.5%	14.9%	
PLX	Dầu khí	54.0	-1.5%	1.5	2,920	5.5	2,915	18.5	2.9	15.8%	16.8%	
PVS	Dầu khí	21.0	-2.3%	1.6	436	6.0	1,375	15.3	0.8	8.7%	5.4%	
BSR	Dầu khí	15.3	-1.3%	0.8	2,063	6.8	(909)	N/A	N/A	1.5	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	96.0	1.1%	0.4	546	0.0	5,647	17.0	3.3	54.6%	20.2%	
DPM	Hóa chất	18.8	-2.8%	0.7	320	0.9	1,928	9.7	0.9	14.7%	9.4%	
DCM	Hóa chất	17.2	-2.8%	0.6	395	2.1	1,122	15.3	1.4	3.3%	9.4%	
VCB	Ngân hàng	96.0	-0.9%	1.1	15,481	7.2	5,709	16.8	3.5	23.4%	22.8%	
BID	Ngân hàng	41.8	-1.3%	1.3	7,310	5.5	2,048	20.4	2.1	16.7%	10.6%	
CTG	Ngân hàng	46.8	-0.5%	1.3	7,568	34.7	4,765	9.8	1.9	25.7%	20.9%	
VPB	Ngân hàng	65.8	-1.2%	1.2	7,023	104.8	4,626	14.2	2.9	22.1%	22.5%	
MBB	Ngân hàng	32.9	-0.3%	1.2	4,003	27.5	3,612	9.1	1.8	23.0%	21.6%	
ACB	Ngân hàng	36.6	0.3%	1.0	3,435	14.9	3,992	9.2	2.1	30.0%	25.6%	
BMP	Nhựa	57.2	-0.2%	0.7	204	0.1	6,160	9.3	2.0	81.7%	20.3%	
NTP	Nhựa	35.8	-0.6%	0.5	183	0.1	3,988	9.0	1.6	19.4%	17.8%	
MSR	Tài nguyên	19.5	0.0%	0.7	932	0.3	39	500.0	1.5	10.1%	0.3%	
HPG	Thép	61.9	0.8%	1.1	8,917	90.9	5,476	11.3	3.1	29.7%	31.3%	
HSG	Thép	37.5	1.9%	1.3	725	25.6	5,262	7.1	2.1	8.6%	34.2%	
VNM	Tiêu dùng	87.2	-2.6%	0.7	7,924	19.2	4,682	18.6	5.8	55.0%	31.9%	
SAB	Tiêu dùng	154.5	-0.3%	0.8	4,308	1.4	7,561	20.4	5.0	62.9%	26.7%	
MSN	Tiêu dùng	104.2	-3.6%	1.0	5,322	11.0	1,281	81.3	7.6	32.8%	5.1%	
SBT	Tiêu dùng	19.6	-3.0%	1.2	526	1.8	1,131	17.3	1.5	8.6%	8.7%	
ACV	Vận tải	69.7	1.0%	0.8	6,597	0.7	577	120.8	4.0	3.4%	3.4%	
VJC	Vận tải	114.0	-3.3%	1.1	2,685	2.4	2,256		4.1	18.9%	8.3%	
HVN	Vận tải	27.4	0.2%	1.7	1,687	0.6	(9,327)		26.9	9.2%	-155.4%	
GMD	Vận tải	37.5	5.0%	1.0	491	7.3	1,246	30.1	1.9	39.7%	6.2%	
PVT	Vận tải	16.3	-1.2%	1.3	229	1.1	2,281	7.1	1.1	12.8%	15.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	89.7	-1.4%	1.0	624	0.7	8,479	10.6	3.4	4.0%	39.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	33.0	0.0%	0.4	643	0.2	1,604	20.6	2.2	6.4%	10.9%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.5	-4.0%	0.9	257	1.1	1,566	9.9	1.1	3.0%	11.0%	
CTD	Xây dựng	56.0	-1.8%	1.0	181	0.9	3,352	16.7	0.5	44.7%	3.0%	
CII	Xây dựng	20.3	-1.9%	0.5	211	1.2	56	364.9	1.0	29.5%	0.2%	
REE	Điện	55.2	-1.4%	-1.4	742	0.9	5,770	9.6	1.4	49.0%	16.3%	
PC1	Điện	25.1	0.2%	-0.4	208	0.3	2,371	10.6	1.2	11.3%	13.2%	
POW	Điện	12.2	-0.8%	0.6	1,237	3.9	1,037	11.7	1.0	3.4%	8.6%	
NT2	Điện	20.1	-0.5%	0.5	251	0.2	1,872	10.7	1.4	15.3%	12.8%	
KBC	Khu công nghiệp	33.8	-4.5%	1.0	690	13.2	1,639	20.6	1.6	20.0%	7.8%	
BCM	Khu công nghiệp	54.0	-1%	0.9	2,430	0.1			3.4	2.0%		

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	100.80	3.70	3.21	5.91MLN
NVL	137.60	2.61	0.99	1.45MLN
HPG	61.90	0.81	0.44	34.00MLN
SSB	31.45	3.97	0.39	3.15MLN
OCB	24.80	2.69	0.19	5.98MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VNM	0.00	-1.28	5.00MLN	1.11MLN
MSN	0.00	-1.22	2.37MLN	607060
VIC	0.00	-1.17	2.42MLN	373600
GVR	0.00	-1.01	3.53MLN	192700
VCB	0.00	-0.89	1.72MLN	611640

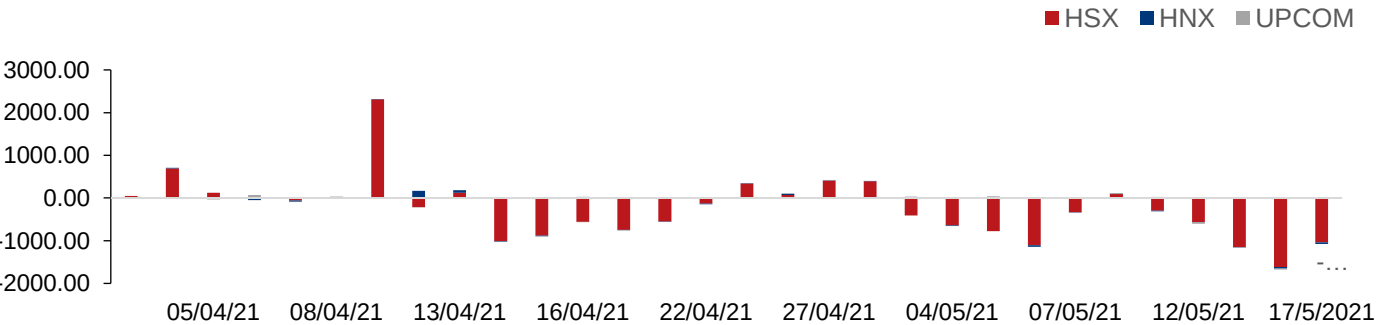
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VAF	11.55	6.94	0.01	11200.00
TPC	9.10	6.93	0.00	2700
TTB	6.95	6.92	0.01	459400
DXV	5.10	6.92	0.00	168200
GMC	30.15	6.91	0.02	10000

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PPC	25.20	-8.03	-0.19	248600
ABS	39.05	-6.91	-0.06	257900
SC5	23.75	-6.86	-0.01	200.00
NHA	30.65	-6.84	-0.01	137300
MCP	28.00	-6.82	-0.01	8400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	15.3	1,400	10.9	0.9	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	36.6	3,992	9.2	2.1	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	69.7	577	120.8	4.0	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	27.7	3,834	7.2	1.2	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	46.8	4,765	9.8	1.9	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	53.8	13,880	3.9	1.2	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	67.0	5,505	12.2	2.8	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	128.8	7,653	16.8	4.4	Click
10	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	18.8	1,928	9.7	0.9	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	26.8	2,379	11.3	1.8	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	9/3/21	22.5	30.2	24.0	-61		1.9	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	85.7	4,718	18.2	4.0	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	37.5	1,246	30.1	1.9	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	41.1	7,082	5.8	1.9	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	61.9	5,476	11.3	3.1	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	37.5	5,262	7.1	2.1	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	15.5	1,566	9.9	1.1	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	33.8	1,639	20.6	1.6	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	36.5	2,140	17.1	2.4	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	22.8			1.6	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	35.1	3,258	10.8	1.3	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	104.2	1,281	81.3	7.6	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	141.5	9,051	15.6	3.9	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	36.8	4,008	9.2	1.6	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	50.6	7,080	7.1	2.1	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	24.5	2,120	11.6	1.5	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	94.0	4,974	18.9	3.7	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	12.2	1,037	11.7	1.0	Click
31	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	19.8	0	128.8	0.6	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	21.0	1,375	15.3	0.8	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	154.5	7,561	20.4	5.0	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	19.6	1,131	17.3	1.5	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	47.9	4,074	11.7	2.1	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	96.0	5,709	16.8	3.5	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	40.5	4,166	9.7	2.1	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	14.7	570	25.8	1.2	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	38.0	3,837	9.9	1.3	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	87.2	4,682	18.6	5.8	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	100.8	7,874	12.8	3.6	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	25.4	1,091	23.2	2.1	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	10.0	600	16.7	0.9	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	126.7	9,476	13.4	5.9	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	65.8	4,626	14.2	2.9	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	30.7	1,175	26.1	2.3	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	85.2	4,060	21.0	5.9	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
3	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
4	Banking Sector Outlook		x	Click
5	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
7	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
8	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
9	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
10	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
12	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
13	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
14	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
15	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
17	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
18	Fishery Outlook 2021		x	Click
19	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
20	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
21	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
22	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
23	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
24	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
25	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
28	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
30	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
32	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
33	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
35	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
36	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
37	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
38	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
40	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express AGG 2021Q1	1/4/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 34380 Kế hoạch 2021: Dự kiến doanh thu chủ yếu đến từ (i) mảng bán căn hộ - tiến hành bàn giao các dự án River Panorama 1 & 2, Sky89, The Sóng và The Standard; (ii) Ngoài ra, dự kiến dự án West gate sẽ hỗ trợ doanh thu mảng tư vấn và môi giới trong 2021. Khuyến nghị NĂM GIỮ ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish
Express ELC 2021Q1	23/3/21	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2021. doanh thu ~ 800 tỷ (không bao gồm các dự án liên quan đến gói ITS cao tốc), tỷ suất lợi nhuận cải thiện. Sau năm 2021: Doanh thu trên 1,000 tỷ ELC dự kiến Q3.2021 đấu thầu gói ITS của đường cao tốc, 2021 đấu thầu 3 – 4 gói ITS nội đô ở tỉnh. Có 500 tỷ doanh thu từ 2020 chuyển sang (tỷ trọng các mảng cân bằng) Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 55600 ; Giá tại Publish 45350
HPG 2021Q1	26/2/21	Cập nhật KQKD: BSC dự báo doanh thu 2021 của HPG đạt 116,437 tỷ đồng (+29.2% YoY), LNST 18,981 tỷ đồng (+41.2% YoY, +35% so với dự báo gần nhất của chúng tôi), tương đương EPS = 5,526 đồng/CP (giả định trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639